



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cảng Chân Mây

Ngày 30/06/2025	8,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

DT thuần Q2/25
94.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.20 0.3%
YoY: ▼20.0 -17.5%

LN thuần Q2/25
7.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.47 -37.9%
YoY: ▼0.10 -1.4%

LN sau thuế Q2/25
5.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.44 -45.0%
YoY: ▼0.48 -8.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
10.7%
YoY: +/- ▼ 5.6%

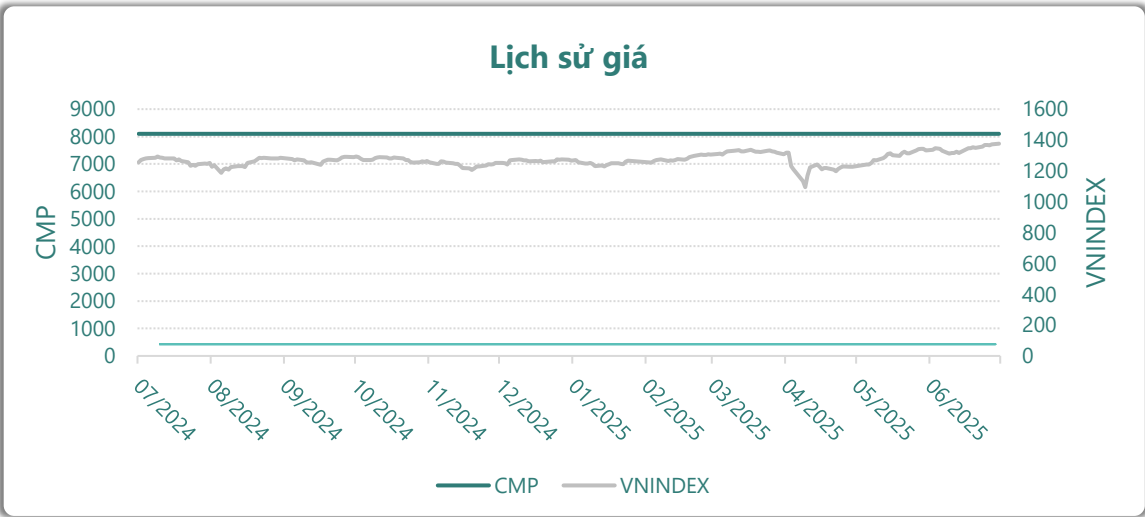
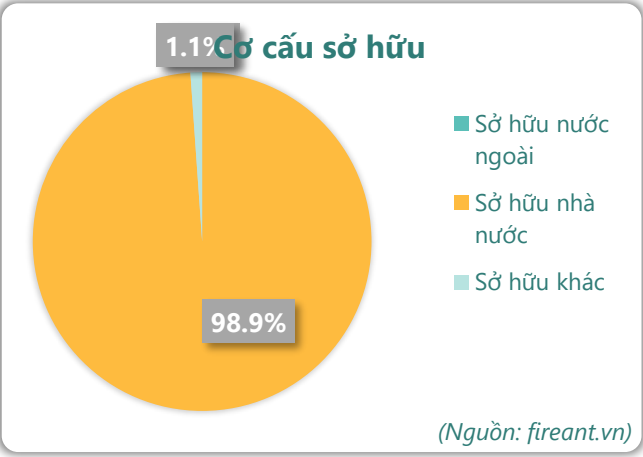
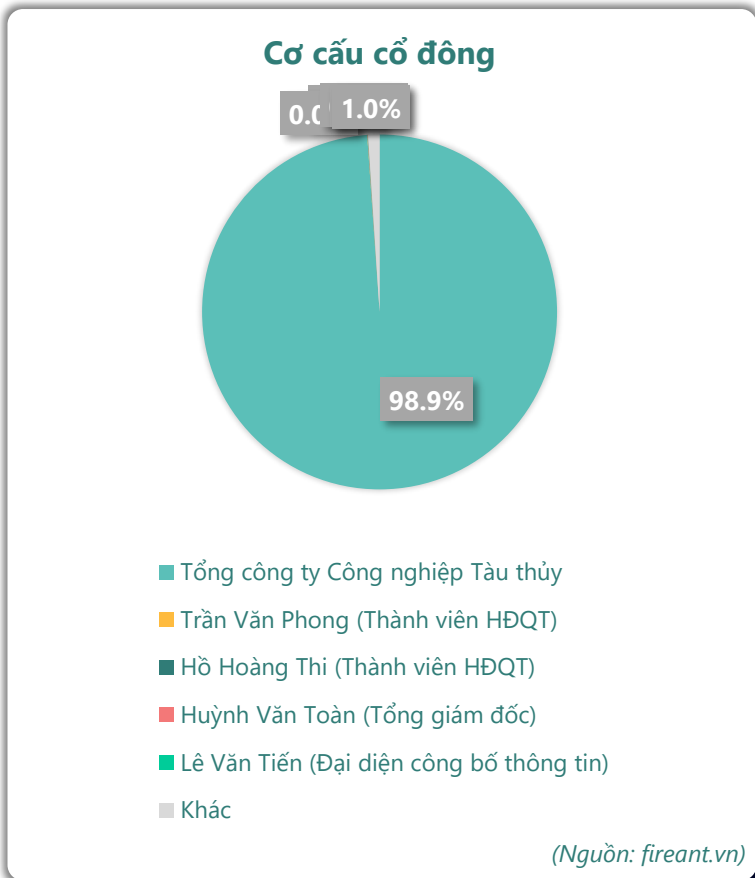
ROE (TTM) Q2/25
3.8%
YoY: +/- ▼ 4.5%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,100 - 8,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	262
Số lượng CPLH (CP)	32,405,415
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	422
P/E	19.2

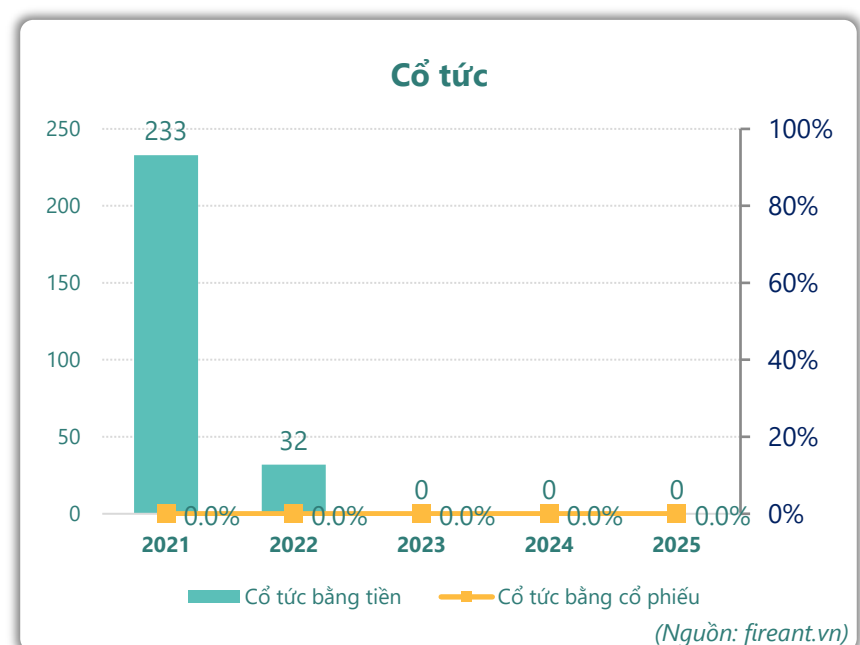
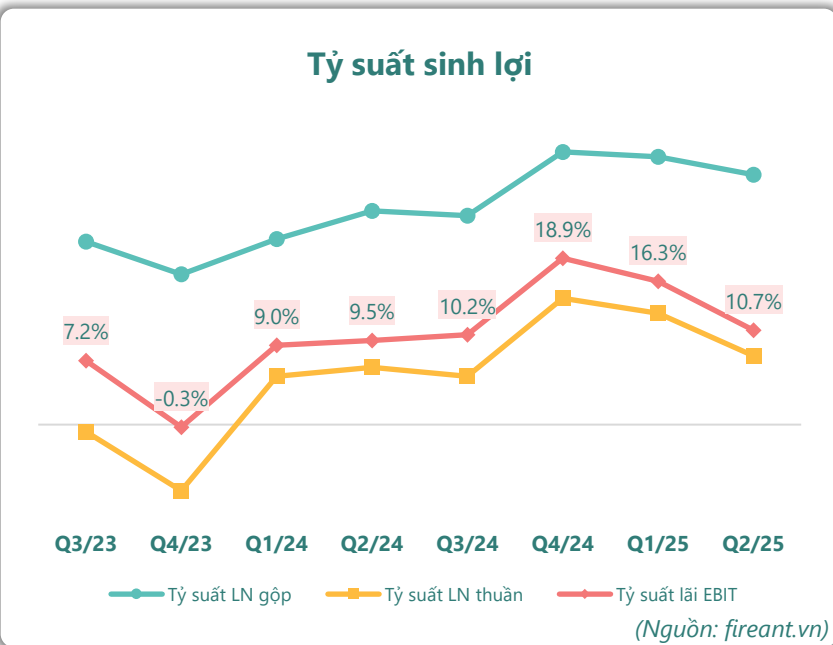
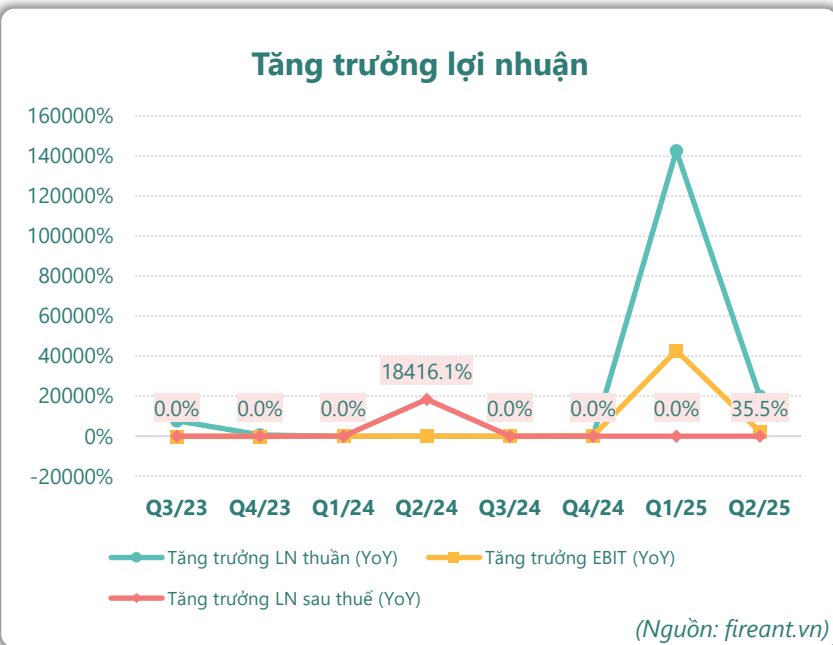
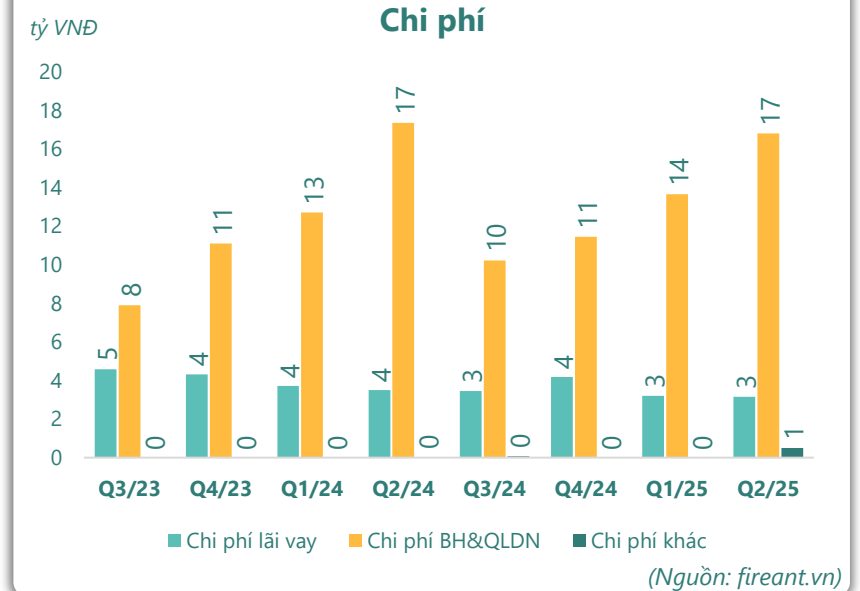
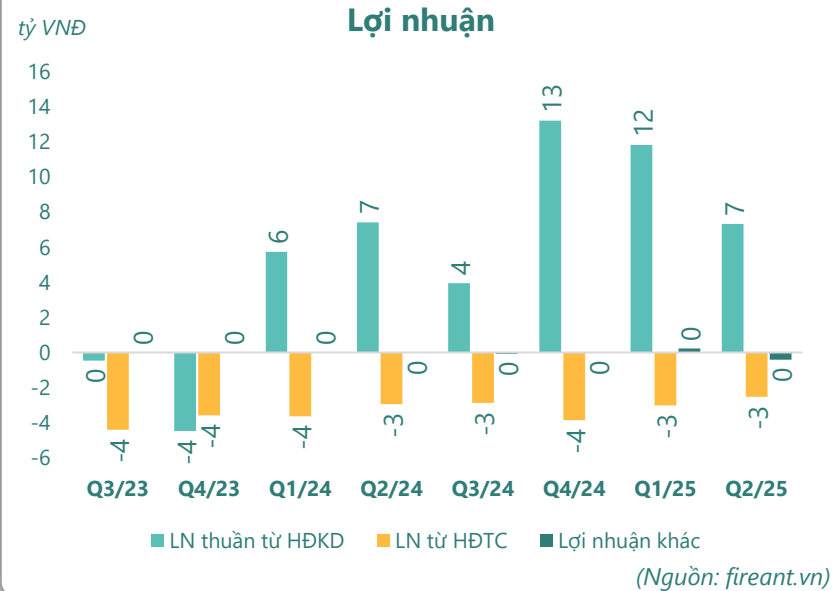
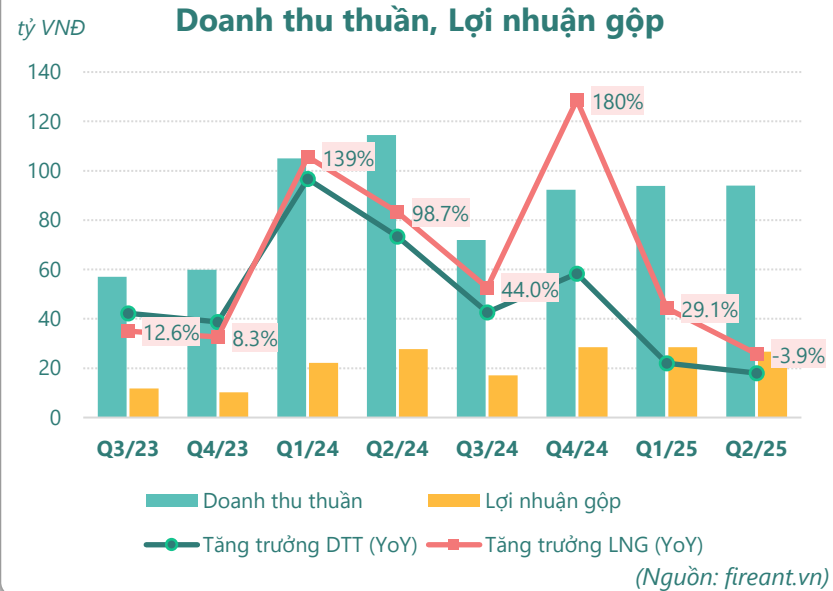
DT thuần 6T 2025
188
tỷ VNĐ
YoY: ▼32.0 -14.4%

LN thuần 6T 2025
19.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00 45.5%

LN sau thuế 6T 2025
15.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.70 31.3%



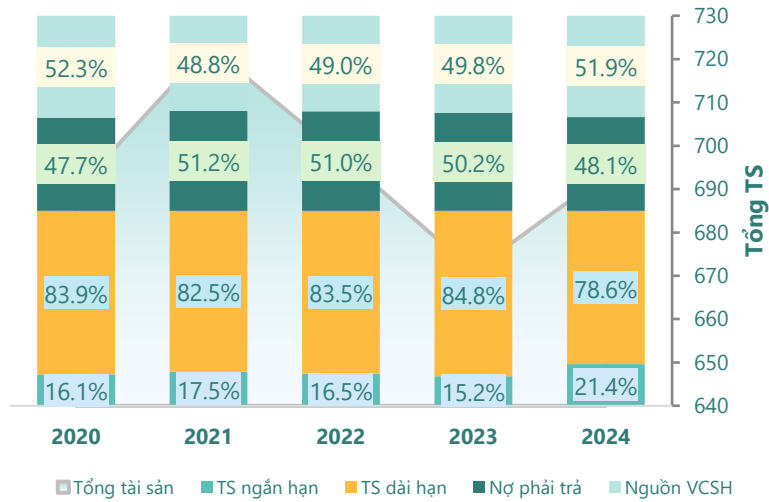
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

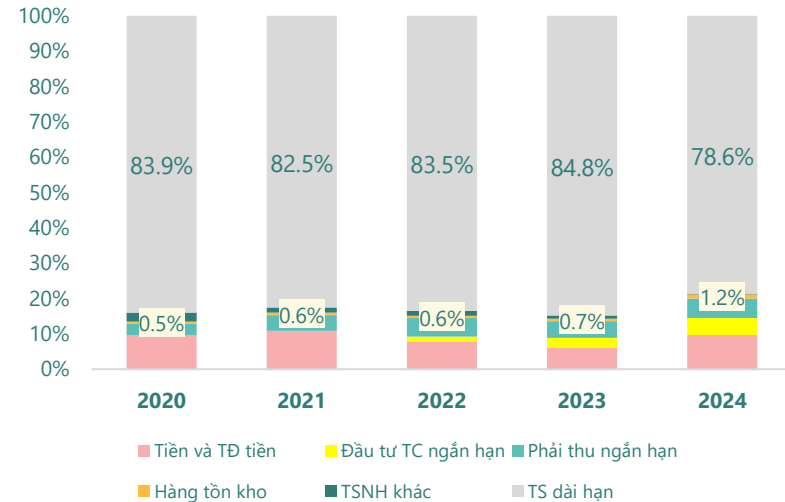
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

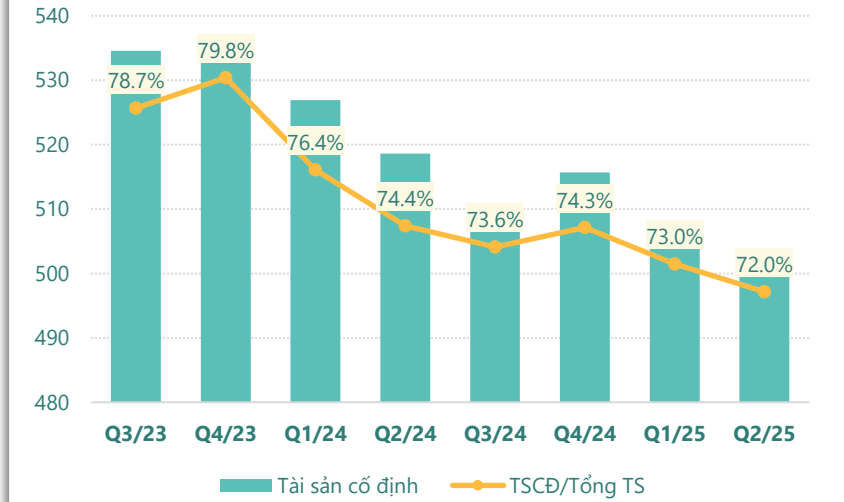
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

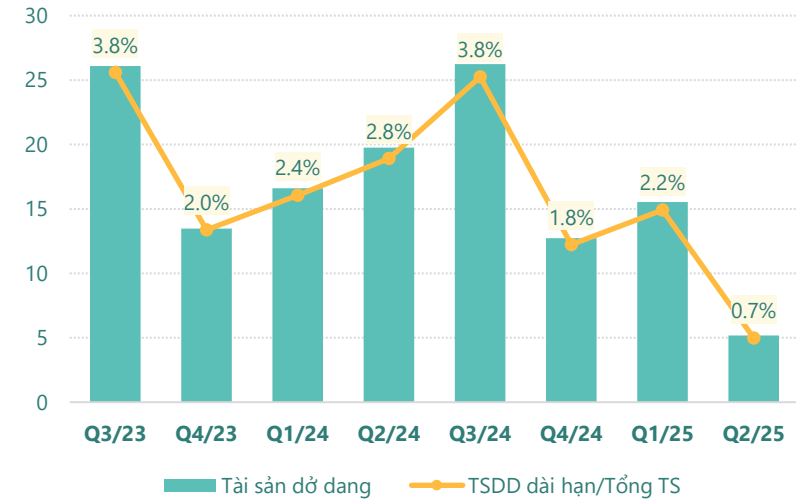
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

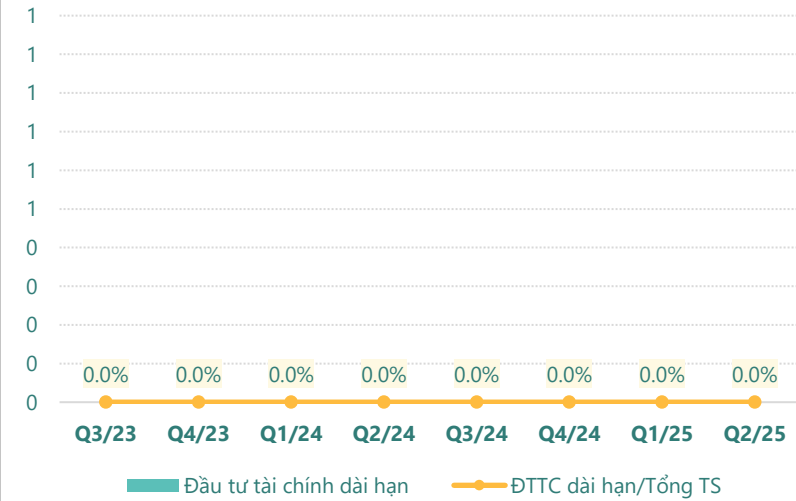
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

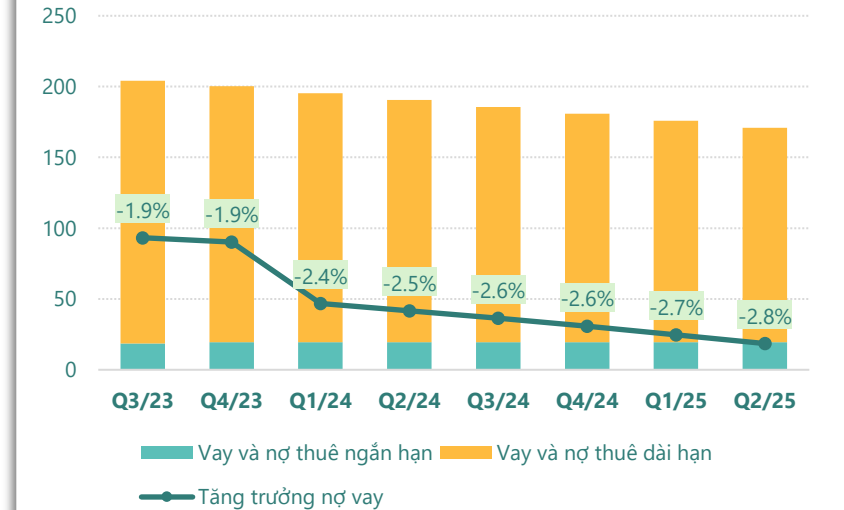
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

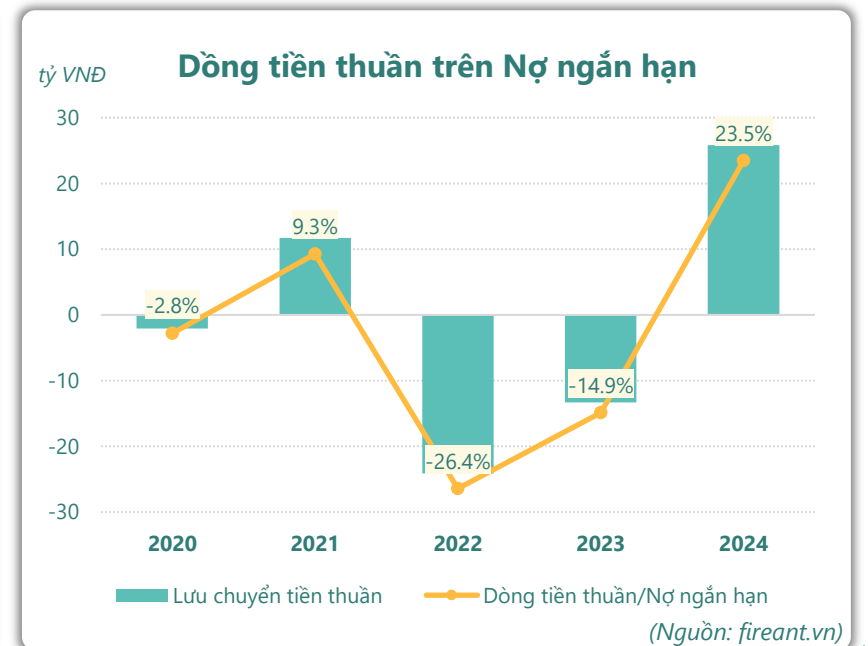
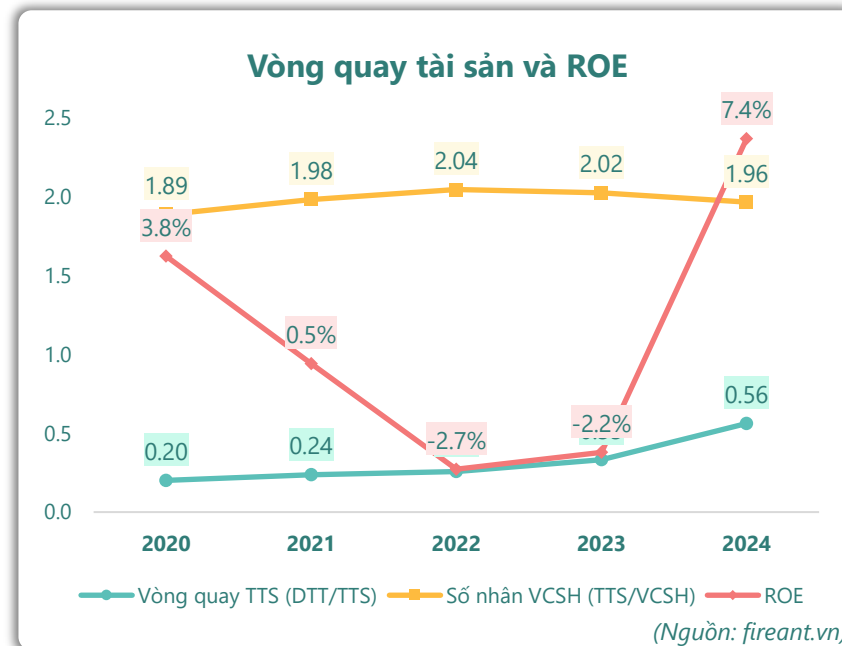
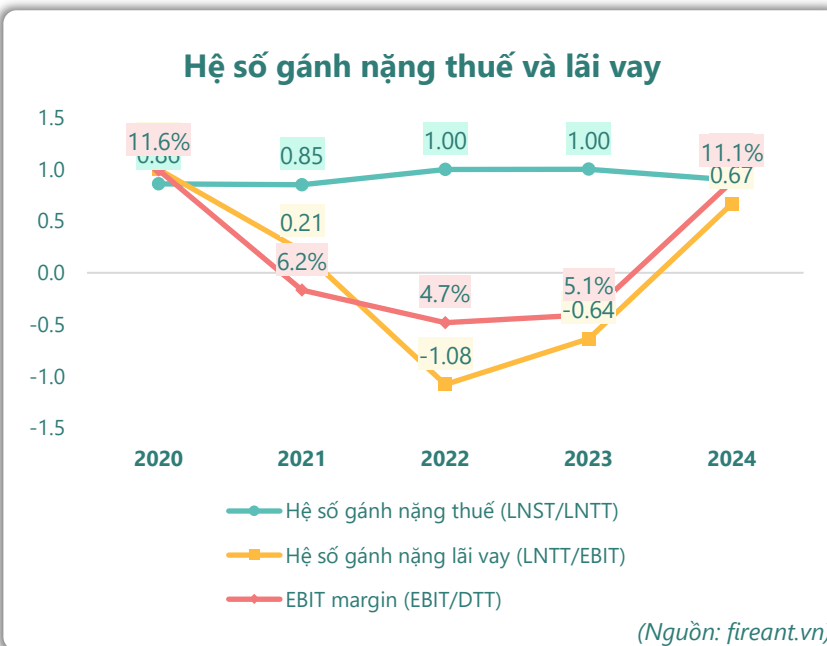
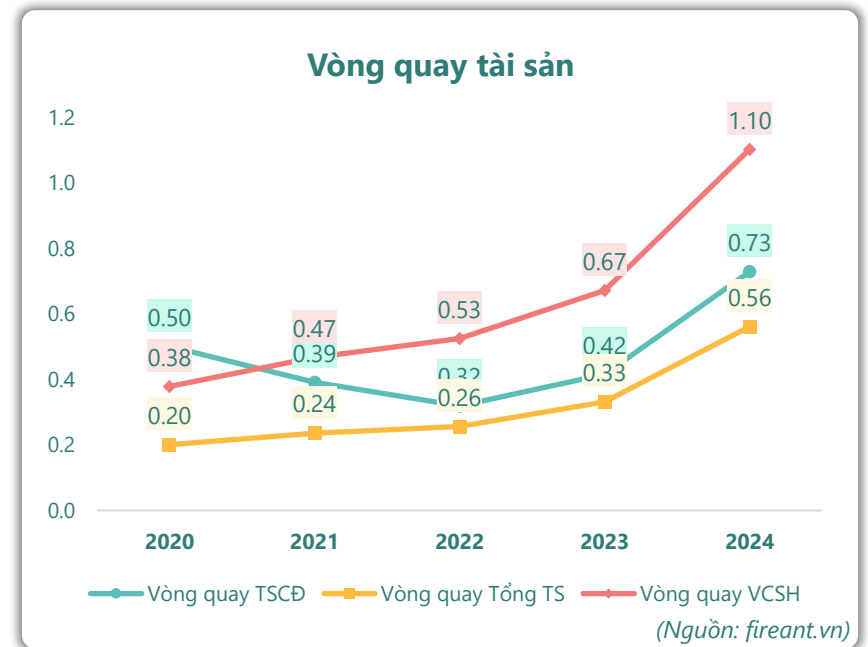
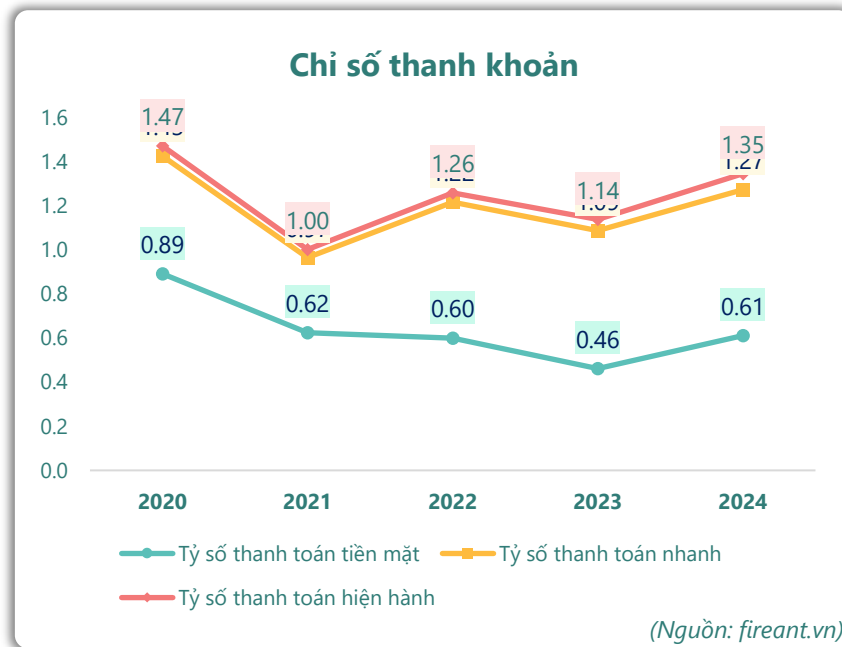
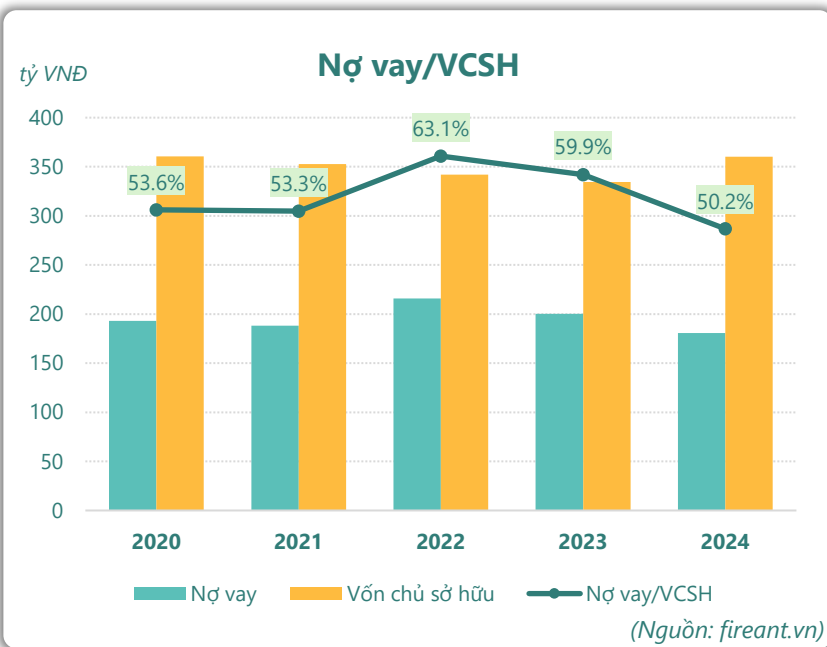
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	94.0	114	-17.5%	188	220	-14.4%
Giá vốn hàng bán	67.4	86.7	-22.3%	133	170	-21.8%
Lợi nhuận gộp	26.7	27.7	-3.7%	55.2	49.8	10.7%
Doanh thu HĐTC	0.63	0.55	14.4%	0.80	0.64	25.4%
Chi phí TC	3.15	3.50	-9.9%	6.35	7.23	-12.1%
Chi phí lãi vay	3.15	3.50	-9.9%	6.35	7.23	-12.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.71	0.50	41.8%	1.49	1.24	19.6%
Chi phí QLDN	16.1	16.9	-4.7%	29.0	28.8	0.5%
LN thuần từ HĐKD	7.33	7.43	-1.4%	19.2	13.2	45.5%
Lợi nhuận khác	-0.42	-0.02	-1987%	-0.19	-0.02	-810%
LN trước thuế	6.91	7.41	-6.8%	19.0	13.1	44.3%
Lợi nhuận sau thuế	5.42	5.90	-8.1%	15.3	11.6	31.3%
LNST của CĐ cty mẹ	-9.86	5.90	-267%	0	11.6	-100%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.00	39.5	22.4	22.9	8.15	20.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.00	-16.1	-9.86	-9.98	7.11	0.91
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.4	-4.89	-4.89	-4.89	-9.89	-4.89
Tiền đầu kỳ	41.4	33.1	51.6	59.2	67.3	72.7
Lưu chuyển tiền thuần	-8.36	18.5	7.66	8.02	5.38	16.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	-0.02	-0.03	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	33.1	51.6	59.2	67.2	72.7	89.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	696	693	0.3%
Tài sản ngắn hạn	170	148	14.8%
Tiền và tương đương tiền	89.5	67.3	33.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.0	33.0	-30.3%
Phải thu ngắn hạn	50.6	38.6	30.9%
Hàng tồn kho	6.19	8.01	-22.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.91	1.28	-29.0%
Tài sản dài hạn	525	545	-3.6%
Phải thu dài hạn	2.28	3.54	-35.6%
Tài sản cố định	501	516	-2.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.19	12.7	-59.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	17.1	13.2	29.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	322	333	-3.3%
Nợ ngắn hạn	113	110	2.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.5	19.5	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.31	7.63	8.9%
Nợ dài hạn	209	223	-6.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	151	161	-6.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	373	360	3.6%
Vốn chủ sở hữu	373	360	3.6%
Vốn điều lệ	324	324	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

